ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN TÁM

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO TIẾP CẬN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số : 9 14 01 14

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Hà Nội - 2026

Công trình được hoàn thành tại:…….
……

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS Nguyễn Tiến Hùng
2. PGS. TS Nguyễn Thị Thanh Huyền

Phản biện 1: ……
……..
Phản biện 2: ……
……..
Phản biện 3: ……
……..

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội vào hồi ….. giờ … ngày … tháng… năm 2026.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Thư viện Quốc Gia, Hà Nội hoặc Thư viện Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận án

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất, năng lực người học, đặt ra yêu cầu đổi mới quản lý chất lượng giáo dục theo tiếp cận BĐCL, quản lý theo quá trình, tự đánh giá, cải tiến liên tục dựa trên minh chứng.

Ở Việt Nam, đổi mới QLGD được xác định là "khâu đột phá", yêu cầu chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại, chuẩn hóa, số hóa, tăng cường trách nhiệm giải trình và xây dựng hệ thống BĐCL bền vững. Tuy nhiên, BĐCL giáo dục phổ thông còn trong quá trình hình thành; QLCL trường THCS chậm đổi mới, còn nặng tính hành chính, thiên về kiểm soát, tự đánh giá hình thức, thiếu công cụ đo lường năng lực học sinh và chưa huy động hiệu quả các bên liên quan, trong khi Chương trình GDPT 2018 đòi hỏi đổi mới đồng bộ quản trị nhà trường.

Hà Nội có hệ thống giáo dục THCS quy mô lớn, đa dạng, có sự khác biệt giữa các khu vực; áp lực tuyển sinh vào lớp 10 và yêu cầu cao của phụ huynh dễ làm lệch mục tiêu giáo dục toàn diện sang chạy theo điểm số. Thực tiễn QLCL còn nặng tính hành chính, xem nhẹ quản lý quá trình; năng lực quản trị của một bộ phận CBQL chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và đặc thù Thủ đô.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về QLGD và QLCL trường THCS, nghiên cứu chuyên sâu về QLCL theo tiếp cận BĐCL gắn với Chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số và đặc thù Hà Nội còn phân tán, chưa có tính hệ thống, thiếu khung lý luận và hệ thống giải pháp đồng bộ dựa trên minh chứng.

Vì vậy, nghiên cứu đề tài "QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL" có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL, luận án đề xuất các giải pháp QLCL nhà trường phù hợp với điều kiện của Thủ đô, nhằm nâng cao chất lượng GD trường THCS, lấy sự hình thành và phát triển nhân cách, phẩm chất, năng lực của HS THCS Hà Nội làm thước đo trung tâm, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: Hoạt động quản lý trường THCS trong bối cảnh đổi mới GDPT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL, bao gồm: xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo và quy trình QLCL; tổ chức vận hành hệ thống QLCL theo chu trình PDCA;… thì chất lượng hoạt động của các trường THCS thành phố Hà Nội sẽ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng, QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL.

5.3. Đề xuất các giải pháp và khảo nghiệm tính cấp thiết, khả thi của các giải pháp và thử nghiệm 1 giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL, trong đó trọng tâm là hoạt

động xây dựng, vận hành hệ thống BĐCL bên trong nhà trường. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội.

6.2. Giới hạn về khách thể và đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát của luận án bao gồm: CBQL và chuyên viên các Phòng VH-XH, Sở GD&ĐT; CBQL, GV các trường THCS; và các lực lượng liên quan trong cộng đồng tham gia vào hoạt động quản lý và BĐCL GD trường THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6.3. Giới hạn về thời gian nghiên cứu

Các số liệu thứ cấp phục vụ nghiên cứu được thu thập và hồi cứu trong giai đoạn từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025. Bên cạnh đó, luận án sử dụng số liệu điều tra, khảo sát trực tiếp được thực hiện trong quá trình nghiên cứu và thử nghiệm giải pháp.

7. Những luận điểm bảo vệ

- QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL cần tích hợp CIPO và PDCA, dựa trên minh chứng, tự chủ, trách nhiệm giải trình và VHCL.

- QLCL trường THCS thành phố Hà Nội còn hạn chế về BĐCL bên trong, quản lý quá trình, dữ liệu, VHCL và cải tiến liên tục.

- Nâng cao QLCL cần tích hợp CIPO–PDCA, tăng quyền tự chủ, phát triển VHCL và ứng dụng công nghệ số phù hợp với đặc thù Hà Nội.

8. Những đóng góp của luận án

8.1. Về lý luận

Hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về chất lượng, QLCL trường THCS; làm rõ nội hàm, đặc trưng của tiếp cận BĐCL và khả năng vận dụng vào quản lý nhà trường. Trên cơ sở đó, xây dựng khung lý luận, đề xuất mô hình QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp BĐCL, với cấu trúc đầu vào-quá trình-đầu ra, gắn với các chủ thể quản lý.

8.2. Về thực tiễn

Luận án đã phân tích, đánh giá một cách hệ thống thực trạng chất lượng, QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận ĐBCL, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; đề xuất các giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL, góp phần nâng cao chất lượng GD hiện nay.

9. Tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

9.1. Tiếp cận nghiên cứu

- Tiếp cận hệ thống - cấu trúc; Tiếp cận CIPO; Tiếp cận PDCA; Tiếp cận chức năng quản lý

9.2. Phương pháp nghiên cứu

9.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

9.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được cấu trúc thành 03 chương.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO TIẾP CẬN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về quản lý chất lượng và bảo đảm chất lượng giáo dục

Các nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đã làm rõ lý luận, mô hình QLCL, BĐCL và CIPO. Tuy nhiên, còn thiếu sự tích hợp CIPO, BĐCL bên trong và PDCA phù hợp trường THCS.

1.1.1.1. Những nghiên cứu về mô hình quản lý chất lượng và bảo đảm chất lượng giáo dục

Theo các nhà khoa học việc phát triển các mô hình chất lượng, BĐCL, CIPO theo hướng hệ thống và cải tiến. Khoảng trống là chưa

hình thành mô hình tích hợp CIPO với BĐCL bên trong phù hợp đặc thù trường THCS.

1.1.1.2. Những nghiên cứu về quy trình quản lý chất lượng và cải tiến liên tục

Qua nghiên cứu của các nhà khoa học cho việc vận dụng PDCA, C-EPD trong GD. Tuy nhiên, quy trình BĐCL ở phổ thông còn đứt gãy, nặng thủ tục và thiếu tính khép kín.

1.1.1.3. Những nghiên cứu về công cụ bảo đảm chất lượng và tự đánh giá nhà trường

Từ kết quả tổng quan các tác giả nhấn mạnh tự đánh giá, TQM, ISO, KPI, dữ liệu và minh chứng. Hạn chế là công cụ còn hành chính, thủ công, định kỳ và chưa chú trọng đầy đủ đến sự tiến bộ của học sinh.

1.1.2. Những nghiên cứu về chất lượng trường trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng

Cùng các nghiên cứu quốc tế và ở Việt Nam khẳng định chất lượng THCS mang tính đa chiều, gắn với đánh giá, minh chứng, VHCL và cải tiến; song liên kết giữa chuẩn, minh chứng, phản hồi và cải tiến còn thiếu nghiên cứu tích hợp các thành tố và cơ chế liên kết thành một hệ thống BĐCL.

1.1.3. Những nghiên cứu về quản lý chất lượng trường Trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng

Các tác giả và cộng sự nghiên cứu quản lý dựa vào nhà trường, TQM, BĐCL. Khoảng trống là chưa xây dựng hệ thống BĐCL bên trong hoàn chỉnh cho trường THCS.

1.1.4. Khái quát kết quả tổng quan nghiên cứu vấn đề và những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục giải quyết

1.1.4.1. Khái quát kết quả tổng quan nghiên cứu vấn đề

Các nghiên cứu khẳng định QLCL THCS cần tiếp cận hệ thống, đa chiều, dựa trên chuẩn, minh chứng, đánh giá và cải tiến liên tục. Tuy nhiên, CIPO, BĐCL bên trong và PDCA chưa được tích hợp

thành một hệ thống quản lý thống nhất.

1.1.4.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục giải quyết

Luận án cần xây dựng cơ sở lý luận và cơ chế vận hành QLCL THCS theo BĐCL; khảo sát thực trạng, yếu tố ảnh hưởng tại Hà Nội. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp quản lý dựa trên minh chứng, cải tiến liên tục và phù hợp đặc thù Thủ đô.

1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Khái niệm chất lượng, chất lượng trường trung học cơ sở

- Khái niệm chất lượng.
- Khái niệm chất lượng trường trung học cơ sở.

1.2.2. Khái niệm quản lý chất lượng

1.2.3. Khái niệm bảo đảm chất lượng và bảo đảm chất lượng trường trung học cơ sở

- The Concept of Quality Assurance
- The Concept of Quality Assurance in Lower Secondary Schools

1.2.3. Khái niệm QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL

QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL là quá trình tổ chức, điều hành và cải tiến có hệ thống các hoạt động dạy học và GD của nhà trường thông qua việc thiết lập và vận hành các mục tiêu, tiêu chuẩn, quy trình và cơ chế giám sát - phản hồi, nhằm bảo đảm và từng bước nâng cao chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT và trách nhiệm giải trình xã hội.

1.3. Lý luận về chất lượng giáo dục trường Trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất

1.3.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục và yêu cầu đặt ra với bảo đảm chất lượng trường trung học cơ sở

1.3.1.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông

Một là, xu thế phát triển của GDPT trên thế giới; Hai là, bối cảnh GD hiện nay ở Việt Nam được đặc trưng bởi đổi mới GDPT; Ba là, quản lý GDPT theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

1.3.1.2. Yêu cầu đối với BĐCL trường trung học cơ sở

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông, bảo đảm chất lượng trường THCS cần được tiếp cận theo hướng hệ thống, lấy sự phát triển phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh làm trung tâm. Nhà trường cần xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ nhằm thực hiện tự đánh giá và cải tiến liên tục. Hoạt động kiểm tra, đánh giá phải đổi mới theo định hướng phát triển năng lực, kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá kết quả. Đồng thời, tăng cường quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và sự tham gia của các bên liên quan để nâng cao chất lượng giáo dục một cách bền vững.

1.3.2. Chất lượng trường THCS

1.3.2.1. Chất lượng đầu vào: là các điều kiện bảo đảm ban đầu cho hoạt động GD của nhà trường; gồm: chiến lược và chính sách chất lượng; HS đầu vào; đội ngũ CB, GV, NV; chương trình GD; CSVC, thiết bị dạy học.

1.3.2.2 Chất lượng quá trình GD: là mức độ hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động GD trong nhà trường; gồm: hoạt động dạy-học; môi trường sư phạm và VHNT; KT, ĐG và cơ chế phản hồi.

1.3.2.3. Chất lượng đầu ra: là kết quả cuối cùng phản ánh mức độ đạt mục tiêu GD gồm: mức độ phát triển phẩm chất, năng lực HS; kết quả học tập, rèn luyện; khả năng thích ứng, mức độ hài lòng của các bên liên quan.

1.4. Lý luận về quản lý chất lượng giáo dục trường Trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng

1.4.1. Mô hình CIPO trong quản lý chất lượng trường THCS

Mô hình CIPO gồm các thành tố: Bối cảnh (C), Đầu vào (I), Quá

trình (P) và Đầu ra (O), được vận dụng trong QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL. Trong đó, Sở GD&ĐT định hướng và kiểm soát chất lượng; Phòng VH-XH hỗ trợ các điều kiện BĐCL; trường THCS trực tiếp vận hành hệ thống BĐCL nội bộ. QLCL được thực hiện theo hướng quản lý quá trình, gắn với chu trình PDCA nhằm kiểm soát và cải tiến liên tục. Kết quả đầu ra là căn cứ điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng GD bền vững.

1.4.2. Chu trình cải tiến chất lượng

Chu trình cải tiến chất lượng PDCA là mô hình phổ biến trong QLCL và BĐCL GD, gồm các bước: lập kế hoạch (P), tổ chức thực hiện (D), kiểm tra, đánh giá (C) và điều chỉnh, cải tiến (A). Nhiều nghiên cứu đã vận dụng PDCA trong QLCL hoạt động dạy học, NCKH và GD theo hướng hiện đại. Việc kết hợp mô hình CIPO với chu trình PDCA hình thành cơ chế QLCL theo hệ thống, bảo đảm tính liên tục, tự điều chỉnh và phát triển bền vững của chất lượng GD trường THCS.

Bản chất của QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL được hiểu là việc thiết lập và vận hành các hệ thống con về BĐCL gắn với chu trình cải tiến chất lượng nhằm đạt tới sứ mạng, giá trị, mục tiêu và định hướng phát triển trường THCS, bao gồm [32], [35], [120], [159],….

1.5. Quy trình, nội dung, tiêu chí QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL

1.5.1. Giai đoạn 1. Chỉ đạo thiết lập định hướng phát triển chất lượng và QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL định kỳ 3-5 năm

Bước 1: Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL.

Bước 2: Chỉ đạo xây dựng/điều chỉnh sứ mạng, giá trị, tầm nhìn và chính sách chất lượng phù hợp với mục tiêu, yêu cầu GD/dạy học THCS, và điều kiện của địa phương, nhà trường.

Bước 3: Chỉ đạo phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học và các hoạt động giáo dục (trải nghiệm - hướng nghiệp, giáo dục STEM, giáo dục địa phương) đáp ứng yêu cầu chính sách chất lượng.

Bước 4: Lập quy hoạch phát triển các nguồn lực và tài chính phục vụ thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục.

1.5.2. Giai đoạn 2: Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng trường trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng cho giai đoạn cụ thể gắn với phản hồi cải tiến

Bước 5: Tổ chức QLCL theo tiếp cận BĐCL tuyển sinh mới/nhập học theo tiếp cận BĐCL.

Bước 6: Tổ chức và thực hiện kế hoạch QLCL theo tiếp cận BĐCL nguồn nhân lực/đội ngũ CBQL, GV, nhân viên theo mục tiêu dựa vào năng lực.

Bước 7: Tổ chức chi tiết và mua sắm, nâng cấp, sử dụng hiệu quả CSVC theo kế hoạch hàng năm gắn với huy động nguồn lực từ các bên liên quan.

Bước 8: QLCL theo tiếp cận BĐCL theo quá trình dạy học/GD của GV và học tập của HS tại lớp học.

Bước 9: QLCL theo tiếp cận BĐCL đối với hoạt động giáo dục STEM, hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp và giáo dục địa phương.

Bước 10: Tổ chức thực hiện đánh giá kết quả thực hiện QLCL theo tiếp cận BĐCL gắn với phản hồi cải tiến.

Bước 11: Tổ chức hệ thống thông tin về chất lượng và QLCL theo tiếp cận BĐCL theo quá trình và sau khi HS hoàn thành chương trình THCS.

1.5.3. Giai đoạn 3. QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL đầu ra và kết quả đầu ra về giáo dục, NCKH, phục vụ cộng đồng

Bước 12: QLCL đầu ra của trường THCS theo tiếp cận BĐCL.

Bước 13: Đánh giá kết quả đầu ra của trường THCS theo tiếp cận BĐCL.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến QLCL Trường THCS theo tiếp cận BĐCL

1.6.1. Quan điểm, chính sách đổi mới giáo dục của Đảng, Nhà nước

1.6.2. Phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước và địa phương

1.6.3. Phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng xã hội trong quản lý giáo dục trường trung học cơ sở

1.6.4. Phẩm chất, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý

1.6.5. Phẩm chất, năng lực của đội ngũ giáo viên

1.6.6. Việc xây dựng môi trường văn hóa trong trường trung học cơ sở

Kết luận Chương 1

Trên cơ sở tổng quan, luận án làm rõ xu hướng chuyển từ kiểm định chất lượng bên ngoài sang xây dựng hệ thống BĐCL nội bộ và cải tiến liên tục. Đồng thời, xác định các khái niệm cốt lõi. Chất lượng được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa bối cảnh, đầu vào, quá trình và đầu ra; QLCL là quá trình tổ chức, điều hành và cải tiến liên tục dựa trên minh chứng và chuẩn đầu ra. Các thành tố của hệ thống chất lượng được phân tích theo mô hình CIPO gắn với chu trình PDCA. Nội dung QLCL được xác định gồm chính sách chất lượng, tổ chức vận hành hệ thống BĐCL và cải tiến chất lượng liên tục. Đồng thời, luận án chỉ ra các yếu tố bên ngoài và bên trong tác động trực tiếp đến hiệu quả QLCL và chất lượng GD nhà trường.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO TIẾP CẬN BĐCL

2.1. Khái quát về tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội và giáo dục thành phố Hà Nội

2.1.1. Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội

2.1.2. Tình hình giáo dục phổ thông, THCS tại thành phố Hà Nội

2.2. Khái quát chung về khảo sát thực trạng

2.2.1. Mục đích, nội dung khảo sát

2.2.2. Đối tượng, thời gian, phạm vi khảo sát, phương pháp xử lý kết quả

2.3. Thực trạng chất lượng trường THCS thành phố Hà Nội

2.3.1. Thực trạng đầu vào

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,60 đến 3,92 điểm, phản ánh các điều kiện BĐCL đã được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch giữa các trường và khu vực, nhất là về chất lượng HS đầu vào, năng lực chuyển đổi số của GV và điều kiện CSVC.

2.3.2. Thực trạng chất lượng quá trình giáo dục

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,48 đến 3,94 điểm, phản ánh hoạt động dạy học và quản lý GD cơ bản ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, như: đổi mới phương pháp dạy học và KT, ĐG chưa đồng đều; năng lực tự học, vận dụng kiến thức của HS còn hạn chế;....

2.3.3. Thực trạng kết quả đầu ra

Bảng 2.6. Thực trạng kết quả đầu ra

TT	Nội dung khảo sát	ĐT KS	Mức độ đánh giá										ĐTB
			Rất cao		Cao		TB		Thấp		Rất thấp		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	

1	Mức độ phát triển phẩm chất và năng lực HS	CBQL	28	28,0	40	40,0	22	22,0	10	10,0	0	0,0	3,86
		GV	180	22,5	300	37,5	230	28,8	70	8,8	20	2,5	3,69
2	Kết quả học tập và rèn luyện của HS	CBQL	30	30,0	42	42,0	18	18,0	10	10,0	0	0,0	3,92
		GV	200	25,0	310	38,8	210	26,2	60	7,5	20	2,5	3,76
3	Khả năng vận dụng kiến thức và thích ứng của HS	CBQL	24	24,0	36	36,0	28	28,0	10	10,0	2	2,0	3,70
		GV	160	20,0	280	35,0	260	32,5	80	10,0	20	2,5	3,60
4	Khả năng học tập tiếp theo và phát triển lâu dài	CBQL	26	26,0	38	38,0	26	26,0	10	10,0	0	0,0	3,80
		GV	170	21,2	290	36,2	250	31,2	70	8,8	20	2,5	3,65
5	Đánh giá của CBQL và GV về mức độ hài lòng của phụ huynh và cộng đồng đối với nhà trường	CBQL	28	28,0	38	38,0	24	24,0	10	10,0	0	0,0	3,84
		GV	180	22,5	300	37,5	230	28,8	70	8,8	20	2,5	3,69

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,60 đến 3,92, nổi bật ở kết quả học tập và rèn luyện của HS. Tuy nhiên, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng và sự chênh lệch chất lượng giữa các khu vực vẫn còn tồn tại.

2.4. Thực trạng thực hiện quy trình, nội dung, tiêu chí về QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

2.4.1. Chỉ đạo thiết lập định hướng phát triển chất lượng và QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL định kỳ 3-5 năm

2.4.1.1. Thực trạng thành lập/hoạt động của Ban chỉ đạo/bộ phận QLCL trường THCS thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát có ĐTB dao động từ 3,54 đến 3,94 điểm, thuộc mức cao. Ban QLCL tại các trường THCS Hà Nội đã bước đầu được thành lập và vận hành theo tiếp cận BĐCL, vận dụng PDCA trong quản lý và cải tiến chất lượng. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động chưa đồng đều; một số trường còn hình thức.

2.4.1.2. Thực trạng chỉ đạo xây dựng/điều chỉnh sứ mạng, giá trị, tầm nhìn và chính sách chất lượng trường THCS thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,25 đến 3,84 điểm. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa bằng chỉ số đo lường, rà soát định kỳ và gắn với NCKH, PVCĐ còn hạn chế; mức độ tham gia thực chất của GV, CMHS chưa cao.

2.4.1.3. Thực trạng chỉ đạo phát triển kế hoạch giáo dục, môn học và các hoạt động giáo dục STEM, trải nghiệm, gắn kết cộng đồng

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,27 đến 3,82 điểm. Tuy nhiên, hoạt động NCKH kỹ thuật, PVCĐ và rà soát, cải tiến chương trình theo PDCA còn hạn chế, thiếu tính thường xuyên và đồng bộ.

2.4.1.4. Thực trạng lập quy hoạch phát triển các nguồn lực và tài chính phục vụ thực hiện kế hoạch giáo dục và các hoạt động giáo dục

Kết quả khảo có ĐTB từ 3,39 đến 3,90 điểm. Tuy vậy, cần tiếp tục tăng cường quy hoạch trung hạn, đầu tư CSVC đồng bộ, và gắn quản lý nguồn lực với chu trình PDCA để đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT.

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL cho giai đoạn cụ thể gắn với phản hồi cải tiến

2.4.2.1. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,35 đến 4,46 điểm, nổi bật ở xây dựng kế hoạch và kiểm tra nội bộ. Tuy nhiên, việc triển khai PDCA, liên kết GD với NCKH thực hành và PVCĐ chưa đồng đều giữa các trường.

2.4.2.2. Thực trạng tuyển sinh lớp 6 dựa vào mục tiêu giáo dục và định hướng các hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh

Hoạt động NCKH thực hành và PVCĐ đã được triển khai nhưng chưa đồng đều, một số đề tài còn mang tính phong trào, thiếu gắn kết

thực tiễn cộng đồng.

2.4.2.3. Thực trạng tổ chức chi tiết và thực hiện kế hoạch hàng năm về đội ngũ QLGD, GV dựa vào năng lực

Kết quả khảo sát có ĐTB từ 3,16 đến 3,90 điểm, nổi bật ở đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp và bồi dưỡng chuyên môn. Tuy nhiên, công tác tuyển dụng, thu hút nhân lực còn hạn chế.

2.4.2.4. Thực trạng tổ chức mua sắm, nâng cấp, sử dụng hiệu quả CSVC theo kế hoạch hàng năm gắn với huy động nguồn lực từ các bên liên quan

Kết quả khảo sát đạt mức khá, có ĐTB từ 3,12 đến 4,04 điểm. Tuy nhiên, công tác bảo trì, nâng cấp CSVC và sự chênh lệch giữa nội thành với ngoại thành vẫn còn hạn chế.

2.4.2.5. Thực trạng về QLCL theo tiếp cận BĐCL đối với quá trình dạy học/giáo dục của GV và học tập của HS tại lớp học

Kết quả khảo sát đạt mức khá, có ĐTB từ 3,20 đến 3,90 điểm. Tuy nhiên, đổi mới KT, ĐG, và cải tiến theo PDCA còn hạn chế.

2.4.2.6. Thực trạng quản lý chất lượng theo tiếp cận bảo đảm chất lượng đối với hoạt động giáo dục STEM, trải nghiệm và gắn kết cộng đồng

Kết quả khảo sát đạt mức khá, có ĐTB từ 3,10 đến 3,90 điểm. Tuy nhiên, việc kiểm tra, phản hồi và cải tiến theo PDCA còn hạn chế.

2.4.2.7. Thực trạng tổ chức thực hiện đánh giá kết quả thực hiện QLCL theo tiếp cận BĐCL gắn với phản hồi cải tiến

Kết quả khảo sát đạt mức khá, có ĐTB từ 3,20 đến 4,00 điểm. Tuy nhiên, phản hồi, cải tiến và quản lý dựa trên dữ liệu còn hạn chế.

2.4.2.8. Thực trạng tổ chức hệ thống thông tin về chất lượng và quản lý chất lượng theo tiếp cận bảo đảm chất lượng theo quá trình và sau khi học sinh hoàn thành chương trình trung học cơ sở

Kết quả khảo sát có ĐTB dao động từ 3,20 đến 3,92 điểm. Cần

tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu, hoàn thiện cơ chế phản hồi cải tiến.

2.4.3. Thực trạng quản lý chất lượng trường trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng đầu ra và kết quả đầu ra

2.4.3.1. Thực trạng QLCL trường THCS tiếp cận BĐCL đầu ra

Kết quả khảo sát có ĐTB dao động từ (3,08 - 3,76) điểm. Tuy nhiên, việc theo dõi kết quả đầu ra, thu thập phản hồi và vận hành PDCA còn chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống.

2.4.3.2. Thực trạng đánh giá kết quả đầu ra của trường trung học cơ sở theo tiếp cận bảo đảm chất lượng

Kết quả khảo sát có ĐTB dao động từ 3,2 đến 3,9 điểm. Tuy nhiên, mức độ triển khai giữa các nội dung chưa đồng đều.

2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL

Kết quả khảo sát có ĐTB của các yếu tố dao động từ 3,98 đến 4,50 điểm, phản ánh mức độ ảnh hưởng từ nhiều đến rất nhiều.

2.5.1. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài nhà trường đến QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

Các yếu tố bên ngoài giữ vai trò định hướng và tạo điều kiện, song hiệu quả tác động còn phụ thuộc vào khả năng vận dụng và cụ thể hóa của từng nhà trường.

2.5.2. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố bên trong nhà trường đến QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

Các yếu tố bên trong nhà trường, đặc biệt là năng lực quản lý của CBQL và năng lực chuyên môn của GV, có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ hơn đến QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng

2.6.1. Ưu điểm và nguyên nhân

2.6.1.1. Ưu điểm

Kết quả khảo sát cho thấy công tác QLCL trường THCS tại Hà Nội giai đoạn 2021–2025 đã có nhiều chuyển biến tích cực theo tiếp cận BĐCL, thể hiện qua các điểm sau:

Một là, tư duy và phương thức quản lý chất lượng chuyển rõ rệt

Hai là, chất lượng dạy học và giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định và có cải tiến

Ba là, các hoạt động giáo dục bổ trợ và đổi mới được mở rộng

Bốn là, hệ thống công cụ và hạ tầng quản lý chất lượng từng bước được hoàn thiện

2.6.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố Hà Nội và ngành GD trong đổi mới GDPT, chuyển đổi số và BĐCL.

Thứ hai, đội ngũ CBQL, GV tích cực đổi mới tư duy quản lý, phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, dựa trên chuẩn đầu ra và minh chứng.

Thứ ba, điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi, cùng hạ tầng CNTT và tiến trình chuyển đổi số của Thủ đô đã hỗ trợ hiệu quả việc triển khai QLCL theo tiếp cận BĐCL.

2.6.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.6.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL vẫn còn một số hạn chế sau:

Một là, nhận thức và việc thực hiện chu trình PDCA chưa đầy đủ, còn hình thức

Hai là, hệ thống công cụ, tiêu chí và dữ liệu chất lượng chưa đồng bộ và hiện đại

Ba là, quản lý hoạt động giáo dục và các hoạt động bổ trợ chưa thực sự theo hướng chất lượng

Bốn là, có sự chênh lệch về điều kiện triển khai giữa các trường

2.6.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất, hệ thống văn bản, hướng dẫn và bộ công cụ QLCL theo BĐCL ở cấp THCS chưa đồng bộ và cụ thể.

Thứ hai, năng lực xây dựng tiêu chí, đánh giá, phân tích dữ liệu và quản lý theo chuẩn đầu ra của một bộ phận CBQL, GV còn hạn chế.

Thứ ba, hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu và nguồn lực chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, áp lực hành chính, tâm lý thành tích và văn hóa chất lượng chưa bền vững cũng ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai.

2.6.3. Cơ hội và thách thức

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL tại Hà Nội đang đứng trước các cơ hội và thách thức sau

2.6.3.1. Cơ hội

Một là, cơ hội từ chủ trương chính sách và xu thế phát triển công nghệ.

Hai là, cơ hội từ yêu cầu nâng cao chất lượng và sự giám sát xã hội.

2.6.3.2. Thách thức

Một là, thách thức về chênh lệch nguồn lực và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Hai là, thách thức về năng lực đội ngũ và áp lực triển khai.

Ba là, thách thức về văn hóa chất lượng và nguy cơ hình thức hóa.

Kết luận Chương 2

Chương 2 tập trung khảo sát, đánh giá thực trạng QLCL các trường THCS TP Hà Nội theo tiếp cận BĐCL trên các nội dung: đầu vào, quá trình, đầu ra, hệ thống thông tin chất lượng và hoạt động đánh giá - cải tiến. Kết quả cho thấy QLCL đã có chuyển biến tích

cực, bước đầu hình thành tư duy quản lý theo minh chứng, quá trình và CĐR.

Nhiều nội dung được triển khai tương đối đồng bộ như lập kế hoạch theo PDCA, đổi mới quản lý dạy học, tăng cường KT, ĐG, ứng dụng CNTT và tổ chức STEM, NCKH thực hành, PVCĐ. Tuy nhiên, việc triển khai còn chưa đồng đều; quản lý vẫn nặng về hành chính và kiểm tra kết quả, trong khi quản lý theo quá trình và cải tiến liên tục chưa hiệu quả. Hệ thống tiêu chí, KPI, công cụ đo lường, dữ liệu chất lượng và cơ chế phản hồi - cải tiến còn thiếu đồng bộ. Kết quả khảo sát cũng cho thấy còn có khoảng cách giữa nhận thức quản lý và thực tiễn triển khai; trong đó năng lực CBQL, GV và VHCL nhà trường là những yếu tố ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả QLCL theo tiếp cận BĐCL.

Chương 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO TIẾP CẬN BĐCL

3.1. Nguyên tắc đề xuất giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện, tính hệ thống

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp với tính thực tiễn

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa, hiệu quả và phát triển

3.1.4. Nguyên tắc kết hợp phát huy nội lực với tranh thủ ngoại lực

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính bền vững

3.2. Một số giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.2.1. Xây dựng chiến lược và chính sách QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.2.1.1. Mục tiêu, ý nghĩa của giải pháp

3.2.1.2. Nội dung của giải pháp

Xác định cơ sở pháp lý và căn cứ chiến lược; xác định tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của nhà trường; xác lập mục tiêu chiến lược chất lượng giai đoạn 3 - 5 năm và chính sách cụ thể theo từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình hành động và kế hoạch năm học để hiện thực hóa chiến lược; thiết lập cơ chế đánh giá, giám sát và điều chỉnh chiến lược.

3.2.1.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước 1: Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chiến lược và chính sách chất lượng ở cấp trường. Bước 2: Tổ chức đánh giá thực trạng, phân tích SWOT (điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức) của nhà trường. Bước 3: Soạn thảo bản chiến lược và chính sách chất lượng. Bước 4: Thông qua, ban hành và phổ biến chiến lược. Bước 5: Thực hiện, theo dõi và cải tiến định kỳ. Bước 6: Ứng dụng CNTT trong quản lý chiến lược.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Thứ nhất, về nhận thức và năng lực; Thứ hai, về đội ngũ và nguồn lực; Thứ ba, về cơ chế và công cụ hỗ trợ.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.2.2.1. Mục tiêu, ý nghĩa của giải pháp

3.2.2.2. Nội dung của giải pháp

Xây dựng: cấu trúc hệ thống tiêu chuẩn theo mô hình CIPO; hệ thống tiêu chí cụ thể cho từng tiêu chuẩn; hệ thống chỉ báo định lượng; thang đo và công cụ đánh giá thống nhất; thiết lập hệ thống dữ liệu và minh chứng chất lượng.

3.2.2.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Tổ chức khảo sát và phân tích thực trạng; Thành lập nhóm xây dựng hệ thống tiêu chí; Thiết kế và hoàn thiện dự thảo hệ thống; Tập huấn và hướng dẫn triển khai; Triển khai áp dụng trong thực tiễn; Theo dõi, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Một là, nhận thức về đánh giá định lượng trong bối cảnh đổi mới GD Thủ đô; Hai là, năng lực xây dựng và sử dụng công cụ đánh giá của đội ngũ; Ba là, hệ thống dữ liệu và hạ tầng công nghệ phục vụ QLCL; Bốn là, cơ chế quản lý, sử dụng kết quả đánh giá trong các trường THCS thành phố Hà Nội.

3.2.3. Tổ chức hệ thống tự đánh giá, kiểm tra, giám sát và cải tiến chất lượng trường THCS thành phố Hà Nội theo chu trình PDCA

3.2.3.1. Mục tiêu, ý nghĩa của giải pháp

3.2.3.2. Nội dung của giải pháp

Thiết lập hệ thống tự đánh giá nội bộ dựa trên tiêu chí và chỉ báo chất lượng; chuẩn hóa hệ thống kiểm tra, giám sát theo tiếp cận chất lượng; thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều và dựa trên minh chứng; xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ số hóa QLCL; tổ chức hoạt động cải tiến chất lượng liên tục; thiết lập bộ chỉ số giám sát và cảnh báo chất lượng.

3.2.3.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước 1: Hoạch định hệ thống (P). Bước 2: Tổ chức thực hiện tự đánh giá và giám sát (D). Bước 3: Phân tích, đánh giá và đối chiếu (C). Bước 4: Phản hồi và công bố kết quả (A - giai đoạn 1). Bước 5: Xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến (A - giai đoạn 2). Bước 6: Theo dõi, giám sát việc thực hiện cải tiến. Bước 7: Chuẩn hóa và lặp lại chu trình PDCA.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Về nhận thức và VHCL. Về năng lực đội ngũ. Về hệ thống công cụ và công nghệ. Về cơ chế quản lý và chính sách.

3.2.4. Đổi mới quản lý hoạt động dạy học của giáo viên trường THCS thành phố Hà Nội theo hướng phát triển năng lực

3.2.4.1. Mục tiêu, ý nghĩa của giải pháp

3.2.4.2. Nội dung của giải pháp

Đổi mới mục tiêu quản lý dạy học phù hợp đặc thù các trường THCS thành phố Hà Nội; đổi mới nội dung quản lý đi vào thực chất hoạt động lớp học; đổi mới phương thức quản lý phù hợp môi trường GD Thủ đô; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý dạy học.

3.2.4.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước 1: Hoạch định kế hoạch đổi mới quản lý dạy học. Bước 2: Bồi dưỡng và hỗ trợ GV thực hiện đổi mới. Bước 3: Triển khai các mô hình dạy học phát triển năng lực. Bước 4: Đổi mới hoạt động kiểm tra, dự giờ, đánh giá GV. Bước 5: Tăng cường giám sát, hỗ trợ và phản hồi liên tục. Bước 6: Tổng kết, đánh giá và cải tiến liên tục.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Thứ nhất, về nhận thức và năng lực. Thứ hai, về cơ chế chính sách và đánh giá. Thứ ba, Về CSVC, học liệu và công nghệ, Thứ tư, về văn hóa nhà trường và giám sát.

3.2.5. Tổ chức phối hợp giữa trường THCS với cha mẹ học sinh và cộng đồng

3.2.5.1. Mục tiêu và ý nghĩa của giải pháp

3.2.5.2. Nội dung của giải pháp

Xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng và chính thức; tăng cường công tác thông tin - truyền thông hai chiều; tổ chức các hoạt động phối hợp trực tiếp và thiết thực; huy động nguồn lực vật chất, tinh thần và tri thức; xây dựng các mô hình phối hợp đa dạng, linh hoạt.

3.2.5.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước 1: Khảo sát, đánh giá hiện trạng phối hợp. Bước 2: Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp. Bước 3: Thiết lập và vận hành các kênh thông tin thường xuyên. Bước 4: Tổ chức các hoạt động phối hợp cụ thể. Bước 5: Huy động cộng đồng và các tổ chức xã hội tham gia.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Thứ nhất, về nhận thức và trách nhiệm xã hội. Thứ hai, về cơ chế và quản lý phối hợp. Thứ ba, về nguồn lực và điều kiện hỗ trợ.

3.2.6. Nâng cao năng lực lãnh đạo, QLCL và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.2.6.1. Mục tiêu, ý nghĩa của giải pháp

3.2.6.2. Nội dung của giải pháp

Phát triển năng lực lãnh đạo chiến lược và tư duy hệ thống; nâng cao năng lực QLCL theo chu trình PDCA; bồi dưỡng năng lực quản trị dựa trên dữ liệu; phát triển năng lực lãnh đạo nhân sự và VHCL; tăng cường năng lực quản lý sự thay đổi và chuyển đổi số; ...

3.2.6.3. Cách thức thực hiện giải pháp

Bước 1: Khảo sát, đánh giá năng lực CBQL hiện có.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển năng lực CBQL.

Bước 3: Tổ chức các khóa học, hội thảo, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm.

Bước 4: Xây dựng cơ chế học tập đồng nghiệp và huấn luyện tại chỗ.

Bước 5: Đổi mới đánh giá CBQL theo năng lực và kết quả BĐCL.

Bước 6: Tăng cường ứng dụng CNTT và dữ liệu trong quản lý, bồi dưỡng CBQL.

Bước 7: Tổng kết, nhân rộng mô hình và duy trì phát triển bền vững.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện của giải pháp

Thứ nhất, về nhận thức và vai trò lãnh đạo. Thứ hai, về cơ chế và chính sách phát triển đội ngũ. Thứ ba, về nguồn lực và môi trường học tập.

3.3. Mối quan hệ của các giải pháp

Những giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL có mối quan hệ biện chứng. Trong mối quan hệ biện chứng của nó, giải pháp này là tiền đề, cơ sở cho giải pháp khia.

3.4. Khảo nghiệm các giải pháp

3.4.1. Tổ chức khảo nghiệm

3.4.2. Kết quả khảo nghiệm

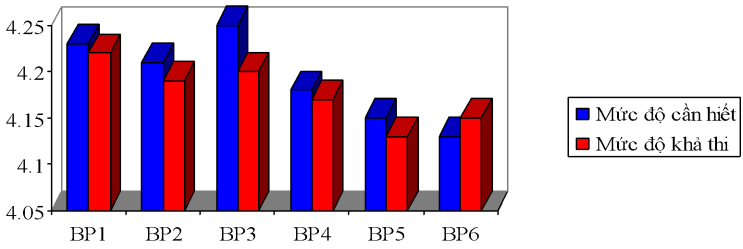
3.4.2.1. Kết quả khảo nghiệm mức độ cần thiết của các giải pháp

Các ý kiến được hỏi đều cho rằng, những giải pháp luận án đưa ra là có tính cần thiết, với ĐTB dao động từ 4,13 đến 4,25 điểm.

3.4.2.2. Về mức độ khả thi của các giải pháp

Kết quả khảo nghiệm cũng cho thấy các giải pháp mà luận án đưa ra có mức độ khả thi với kết quả tương đối cao. Có ĐTB giao động từ 4,10 điểm đến 4,22 điểm.

3.4.2.3. Tương quan giữa đánh giá mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các giải pháp đã đề xuất



Kết quả khảo nghiệm các giải pháp được khẳng định vừa có mức độ cần thiết, vừa có mức độ khả thi. R = 0,89 gần hơn giá trị 1.

3.5. Thử nghiệm giải pháp QLCL Trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

3.5.2. Thời gian, giả định khoa học của thử nghiệm

3.5.3. Đối tượng, phạm vi và mẫu thử nghiệm

3.5.4. Nội dung và quy trình thử nghiệm

3.5.5. Tiêu chí và thang đánh giá kết quả thử nghiệm

3.5.6. Kết quả thử nghiệm

3.5.7. Đánh giá chung kết luận thử nghiệm

Kết quả đánh giá chung tại Bảng 3.14 cho thấy giải pháp có mức độ cần thiết và mức độ khả thi cao (theo kết quả khảo nghiệm), đồng thời tạo được chuyển biến bước đầu về kiến thức và kỹ năng QLCL của đội ngũ tại 10 trường thử nghiệm.

Kết quả thử nghiệm cũng cho thấy giải pháp có khả năng nhân rộng là có triển vọng, phù hợp với xu hướng tăng cường tự chủ, trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà trường, song cần được kiểm chứng thêm ở quy mô lớn hơn và có nhóm đối chứng.

3.5.8. Kết luận thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm cho thấy giải pháp hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL có mức độ cần thiết, mức độ khả thi cao và mang lại hiệu quả bước đầu trong phạm vi các trường thử nghiệm

Kết luận Chương 3

Chương 3 tập trung đề xuất và kiểm chứng hệ thống giải pháp QLCL trường THCS thành phố Hà Nội theo tiếp cận BĐCL trên cơ sở lý luận QLCL và kết quả khảo sát thực trạng. Các giải pháp được xây dựng bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, khả thi và phát triển bền vững, hướng tới hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong nhà trường. Hệ thống giải pháp tập trung vào các nội dung cốt lõi như: xây dựng chiến lược và chính sách QLCL; hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo chất lượng; tổ chức tự đánh giá, kiểm tra, giám sát và cải tiến theo chu trình PDCA; đổi mới quản lý dạy học; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, CMHS và cộng đồng; nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV.

Các giải pháp có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất theo định hướng cải tiến liên tục. Kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm bước đầu khẳng định tính khả thi của tiếp cận BĐCL trong QLCL trường THCS, góp phần nâng cao hiệu quả tự đánh giá, quản lý dạy học và năng lực QLCL của đội ngũ CBQL, GV; đồng thời thúc đẩy cơ chế cải tiến liên tục trong nhà trường.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã nghiên cứu QLCL trường THCS TP Hà Nội theo tiếp cận BĐCL trong bối cảnh đổi mới GDPT. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về chất lượng, QLCL và BĐCL trong GD, luận án xác lập quan niệm QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL và lựa chọn mô hình CIPO kết hợp chu trình PDCA làm khung lý luận và công cụ phân tích xuyên suốt nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác QLCL trường THCS đã có chuyển biến tích cực, bước đầu hình thành tư duy quản lý theo minh chứng, theo quá trình và CĐR. Tuy nhiên, hoạt động QLCL vẫn còn thiên về hành chính và kiểm tra kết quả; hệ thống BĐCL bên trong, tiêu chí, chỉ báo và cơ chế cải tiến chất lượng chưa đồng bộ, trong khi năng lực QLCL của đội ngũ và điều kiện nguồn lực còn hạn chế.

Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp QLCL trường THCS theo tiếp cận BĐCL bảo đảm tính khoa học, hệ thống và khả thi, tập trung vào hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong nhà trường theo mô hình PDCA - CIPO. Kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm bước đầu khẳng định tính khả thi, hiệu quả của các giải pháp, góp phần nâng cao năng lực QLCL của CBQL, GV và thúc đẩy cải tiến chất lượng GD theo hướng thực chất, bền vững.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với cơ quan quản lý giáo dục

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

2.3. Đối với các trường THCS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Nguyễn Văn Tám, "Tổng quan một số nghiên cứu quốc tế về sử dụng quản lí chất lượng tổng thể (TQM) trong trường trung học cơ sở", *Tạp chí giáo dục*, vol. 24, no. 8, pp. 261–266, 8/2024.

2. Pham Ngoc Son and Nguyen Van Tam, “Evaluating the Role of Technology in Implementing Total Quality Management in High Schools” (Đánh giá vai trò của công nghệ trong việc thực hiện quản lý chất lượng toàn diện tại các trường trung học cơ sở), *International Journal of Changes in Education*, vol. 2, no. 4, pp. 230–237, Feb. 2025, doi: 10.47852/bonviewijce52024288

3. Nguyễn Văn Tám, Nguyễn Tiến Hùng, Nguyễn Thị Thanh Huyền, "Quản lý chất lượng trường trung học cơ sở Thành phố Hà Nội theo tiếp cận bảo đảm chất lượng: thực trạng và nguyên nhân", *Tạp chí khoa học đại học Thái Nguyên*